


TIÊU CHUẨN CÔNG ĐOẠN

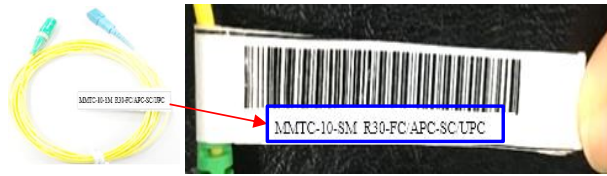

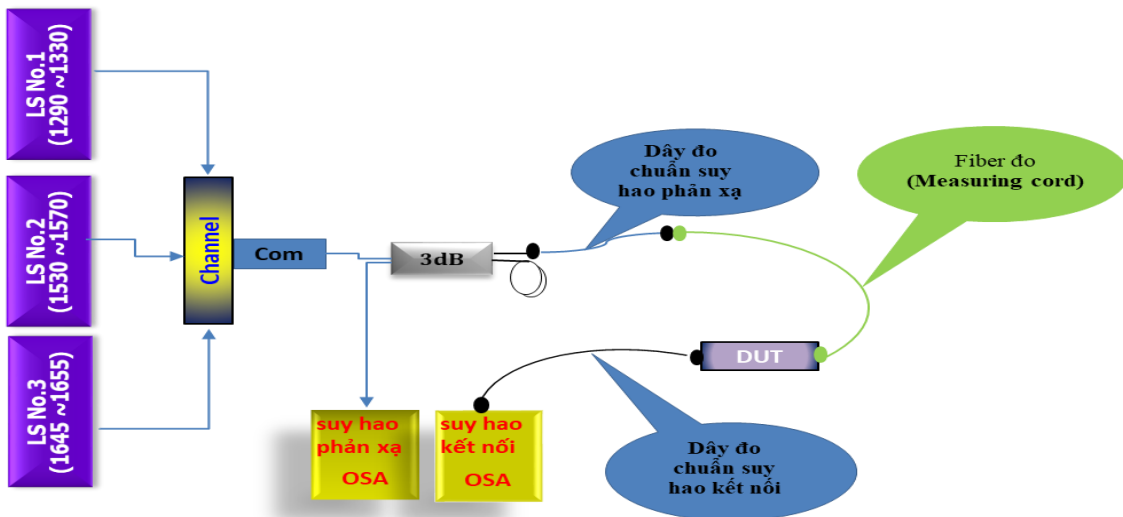
Công đoạn áp dụng: LOSS INSPECTION	Số: 000-4-PS-017-0097	Phiên bản: 02
Tên tài liệu: LOSS KY-T-Connector S-LG	Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081	


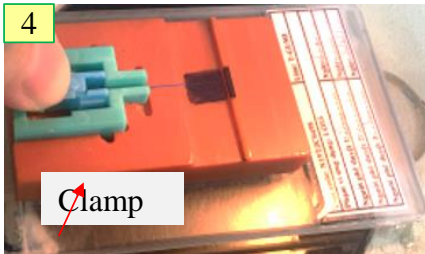
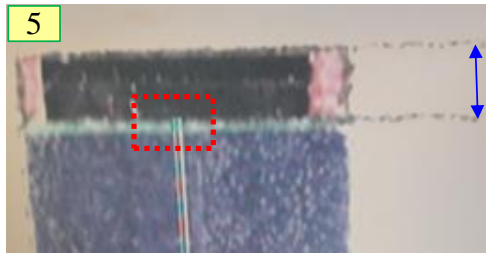
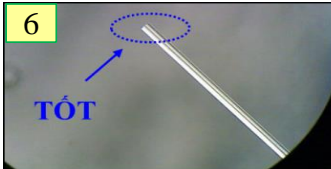
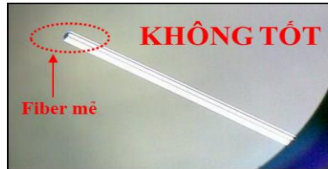
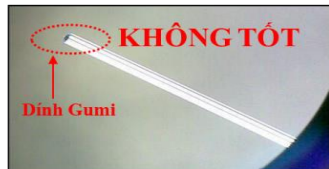
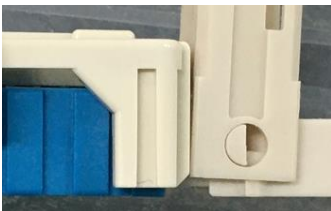

I. Phạm vi áp dụng: THEO DMS

II. Nội dung:

* Cài đặt thông số của hệ thống loss cho dây bước sóng:

WL		Dãy bước sóng	Resolution	Sensor sensitivity	Point
IL	1310nm	1290~1330	2.0nm	HIGH1	201
	1550nm	1530~1570	2.0nm	HIGH1	201
	1650nm	1644~1656	2.0nm	HIGH1	76
RL	1310nm	1290~1330	5.0nm	HIGH1	201
	1550nm	1530~1570	5.0nm	HIGH1	201
	1650nm	1645~1655	5.0nm	HIGH1	51

Yêu cầu	Hình ảnh minh họa
<p>1. Yêu cầu về dây đo chuẩn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại dây đo: MMTC-10-SM R30-FC/APC-SC/UPC - Kiểm tra bề mặt dây đo trước khi đo theo nhắc nhở trong chương trình. Tiêu chuẩn kiểm: tham khảo PS#000-5-PS-012-0013. - Phải vệ sinh bề mặt dây đo trước mỗi lần kết nối. 	
<p>2. Yêu cầu về fiber đo (fiber 0.25mm)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Loại Fiber đo: MMTC-10-SM R15-SC/UPC - Mỗi sản phẩm chỉ được phép xỏ fiber đo 1 lần. Khi Rework sản phẩm được phép xỏ fiber đo tiếp 1 lần => Tối đa được phép xỏ fiber đo 2 lần/ sản phẩm. 	
<p>3. Yêu cầu về sơ đồ kết nối: sơ đồ đo P0 & đo sản phẩm</p>	

TIÊU CHUẨN CÔNG ĐOẠN																																		
Công đoạn áp dụng: LOSS INSPECTION	Số: 000-4-PS-017-0097	Phiên bản: 02																																
Tên tài liệu: LOSS KY-T-Connector S-LG	Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081																																	
Yêu cầu	Hình ảnh minh họa																																	
<p>4. Yêu cầu đo sản phẩm</p> <ul style="list-style-type: none">- Tuốt Fiber, vệ sinh, khây & cắt Fiber đúng chiều dài.- Xỏ Fiber vô Stopring sản phẩm & kết nối vô Dây đo chuẩn để đo suy hao kết nối & suy hao phản xạ.- Lưu giá trị đo được (giá trị OK & NG).- Bấm Holder tại vị trí wedge #1, #2 & gắn Holder Cover vào Holder.- Lấy Fiber ra khỏi sản phẩm.- Kiểm tra fiber trần sau khi đo mỗi sản phẩm để đảm bảo chiều dài trước và sau kết nối = 10mm. <p>Chú ý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Chỉ sử dụng hệ thống loss số 4 khi đo lại sản phẩm rút loss IL1650 & RL1550.- Kết nối kĩ các connector và vệ sinh MTC, không để các giá trị rút loss bất thường. Tham khảo giá trị rút loss bất thường như bảng.	<p>Bảng giá trị bị rút loss bình thường: Giá trị OK</p> <table><tr><th>IL1550</th><th>RL1550</th><th>IL1650</th><th>RL1650</th></tr><tr><td>0.61</td><td>42.83</td><td>20.97</td><td>0.54</td></tr><tr><td>0.82</td><td>32.25</td><td>30.81</td><td>0.51</td></tr><tr><td>0.77</td><td>42.41</td><td>21.85</td><td>0.54</td></tr></table> <p>Bảng giá trị bị rút loss bất thường: Giá trị</p> <table><tr><th>IL1550</th><th>RL1550</th><th>IL1650</th><th>RL1650</th></tr><tr><td>3.73</td><td>14.27</td><td>17.84</td><td>6.19</td></tr><tr><td>8.34</td><td>30.16</td><td>20.66</td><td>17.03</td></tr><tr><td>0.18</td><td>43.93</td><td>19.91</td><td>0.52</td></tr></table> <div><p>Một trong các nguyên nhân gây rút loss bất thường:</p><ul style="list-style-type: none">- Operator kết nối Connector không sát.- Endface chưa vệ sinh sạch.<p>=> Gây ra tình trạng giá trị ảo, không phải giá trị thực tế của sản phẩm.</p></div>		IL1550	RL1550	IL1650	RL1650	0.61	42.83	20.97	0.54	0.82	32.25	30.81	0.51	0.77	42.41	21.85	0.54	IL1550	RL1550	IL1650	RL1650	3.73	14.27	17.84	6.19	8.34	30.16	20.66	17.03	0.18	43.93	19.91	0.52
IL1550	RL1550	IL1650	RL1650																															
0.61	42.83	20.97	0.54																															
0.82	32.25	30.81	0.51																															
0.77	42.41	21.85	0.54																															
IL1550	RL1550	IL1650	RL1650																															
3.73	14.27	17.84	6.19																															
8.34	30.16	20.66	17.03																															
0.18	43.93	19.91	0.52																															
<p>5. Yêu cầu kiểm tra fiber đo</p> <ul style="list-style-type: none">- Tuốt fiber => Cắt fiber & kiểm tra fiber trần:<ul style="list-style-type: none">+ Đặt Clamp gắn fiber dưới kính hiển vi (Microscope) (4)+ Kiểm tra & đánh giá fiber trần:<ul style="list-style-type: none">Fiber trần nằm trong vùng 10mm: OK (5)Bề mặt vết cắt không bị mẻ, bề, dính Gumi: OK (6)- Chỉ dùng fiber OK để đo loss cho sản phẩm.- Kiểm tra lại fiber trần sau 6 lần kết nối. Nếu phát hiện fiber trần NG => thu hồi tất cả sản phẩm đã dùng fiber trần phát hiện NG để kiểm tra bề mặt Gumi bên trong:<ul style="list-style-type: none">+ Có Gumi: OK+ Không có Gumi: NG (hủy sản phẩm)	<div><div><p>4</p></div><div><p>5</p></div></div> <p>Vùng fiber trần đạt chuẩn chiều dài 10mm</p> <div><div><p>6</p></div><div><p>KHÔNG TỐT</p><p>Fiber mẻ</p></div><div><p>KHÔNG TỐT</p><p>Dính Gumi</p></div></div>																																	
<p>6. Kiểm tra ngoại quan sản phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none">- Kiểm tra lõi Wedge hở	<div></div> <p>Wedge không bị hở: OK</p> <div></div> <p>Wedge hở: NG</p>																																	
<p>7. Trước khi kiểm bề mặt (Endface), kiểm tra số sê-ri trùng với in lazer trên sản phẩm và hướng đúng của holder.</p>																																		

TIÊU CHUẨN CÔNG ĐOẠN						
Công đoạn áp dụng: LOSS INSPECTION			Số: 000-4-PS-017-0097			Phiên bản: 02
Tên tài liệu: LOSS KY-T-Connector S-LG			Tài liệu tham khảo: 4-OP-0081			
LỊCH SỬ THAY ĐỔI						
Ngày	Phiên bản	Người ban hành	Nội dung sửa đổi		Lý do thay đổi	Người yêu cầu
			Nội dung cũ	Nội dung mới		
25-Sep-23	1	Tiên	-	- Ban hành mới	-	Huy HM
28-Aug-24	2	Nguyệt	-	- Add thêm mục 7 (kiểm tra số sê-ri trùng với in lazer trên sản phẩm và hướng đúng của holder)	- Cho OP dễ hiểu	ThuDTM